



## Bản tin quý IV/2023

# CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG & AN TOÀN NGƯỜI BỆNH

### Sự cố y khoa

Trong quý IV năm 2023 ghi nhận 01 sự cố y khoa, sự cố mức độ nhẹ (NC1-B). Sự cố được báo cáo đầy đủ và đúng theo quy định.

### Sự cố

Bệnh nhân bị đa u xơ tử cung to gây chèn ép bàng quang/ thiếu máu (HB 7,7 g/dl); vào viện để phẫu thuật nội soi cắt bán phần tử cung; có chỉ định truyền máu (2 đơn vị HC lắng 350 ml nhóm máu O; Rh (+). 22h15 ngày 22/12/2023 khi truyền hồng cầu lắng đơn vị máu thứ 2 cùng nhóm (với tốc độ XXX giọt/phút) được 90 phút (#150 ml) bệnh nhân than ngứa, nổi mẩn đỏ toàn thân tập trung nhiều ở bắp chân, bắp tay, cổ; không khó thở, không đau bụng; sinh hiệu bình thường. Nhận định: Phản ứng dị ứng do truyền máu mức độ trung bình. Đã xử trí theo đúng phác đồ qui trình. Theo dõi sát. Đến 24h bệnh nhân ổn định hoàn toàn.

### Khuyến cáo phòng ngừa

- Thực hiện truyền máu trong giờ hành chính, trừ cấp cứu.
- Cần cân nhắc lượng máu truyền.

### Giám sát thực hiện đúng phác đồ điều trị

#### Giám sát định kỳ

Khoa	Số hồ sơ được kiểm tra	Tuân thủ		Tuân thủ không đầy đủ		Không tuân thủ	
		N	%	N	%	N	%
Cấp cứu	10	10	100%	0	0%	0	0%
Nội	15	15	100%	0	0%	0	0%
Ngoại	14	14	100%	0	0%	0	0%
Sản	15	14	93,3%	1	6,7%	0	0%
Nhi	11	11	100%	0	0%	0	0%
Tai Mũi Họng	10	10	100%	0	0%	0	0%
Lọc thận	09	09	100%	0	0%	0	0%
Mắt	10	10	100%	0	0%	0	0%
PTTM	14	14	100%	0	0%	0	0%
RHM	1	1	100%	0	0%	0	0%
Hồi sức	2	2	100%	0	0%	0	0%
<b>Tổng</b>	<b>111</b>	<b>110</b>	<b>99,1%</b>	<b>1</b>	<b>0,9%</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>

#### Giám sát đột xuất

Khoa	Số hồ sơ được kiểm tra	Tuân thủ		Tuân thủ không đầy đủ		Không tuân thủ	
		N	%	N	%	N	%
Cấp cứu	3	3	100%	0	0%	0	0%
Nội	4	4	100%	0	0%	0	0%
Ngoại	4	4	100%	0	0%	0	0%
Sản	3	3	100%	0	0%	0	0%
Nhi	2	2	100%	0	0%	0	0%
Lọc thận	3	3	100%	0	0%	0	0%
Mắt	3	3	100%	0	0%	0	0%
PTTM	3	3	100%	0	0%	0	0%
RHM	1	1	100%	0	0%	0	0%
Hồi sức	1	1	100%	0	0%	0	0%
<b>Tổng</b>	<b>32</b>	<b>32</b>	<b>100%</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>

Chi số chất lượng	Khoa/Phòng	Chi tiêu năm 2023	Kết quả quý IV/2023	So sánh chi tiêu
<b>A. Chi số chất lượng chung của bệnh viện</b>				
1. Tỷ lệ phẫu thuật loại II trở lên	Ngoại	≥ 80%	79,7%	Không đạt
	Phụ Sản	≥ 95,5%	99,8%	Đạt
	Tai Mũi Họng	≥ 93,5%	98%	Đạt
2. Tỷ lệ viêm phổi do nhiễm khuẩn bệnh viện	Cấp cứu Hồi sức nội	≤ 0,5%	0,97%	Không đạt
3. Tỷ lệ cán bộ y tế được đào tạo, cập nhật chuyên môn liên tục theo quy định	Hành chính Nhân sự	≥ 80%	98%	Đạt
4. Số sự cố y khoa nghiêm trọng	Quản lý chất lượng	0 sự cố	0 sự cố	Đạt
5. Tỷ lệ hồ sơ bệnh án hoàn thiện các yêu cầu cơ bản theo quy chế hồ sơ bệnh án	Kế hoạch tổng hợp	≥ 95%	98,91%	Đạt
6. Tỷ lệ ca phẫu thuật sử dụng đúng hướng dẫn thực hiện bảng kiểm an toàn phẫu thuật khi tiến hành phẫu thuật	Điều dưỡng	100%	100%	Đạt
7. Tỷ lệ sai lỗi trong thực hiện ghi chép hồ sơ điều dưỡng	Điều dưỡng	<5%	4,8%	Đạt
8. Tỷ lệ tuân thủ quy trình truyền dịch	Điều dưỡng	100%	100%	Đạt
9. Tỷ lệ nhận diện chính xác người bệnh khi cung cấp dịch vụ chăm sóc người bệnh	Điều dưỡng	100%	100%	Đạt
10. Tỷ lệ tuân thủ quy trình kỹ thuật thay băng vết thương	Điều dưỡng	100%	100%	Đạt
11. Tỷ lệ tuân thủ 5 đúng khi dùng thuốc	Điều dưỡng	100%	100%	Đạt
12. Bệnh phẩm xét nghiệm bị từ chối	Điều dưỡng	≤ 1%	0,0035%	Đạt
13. Tỷ lệ tuân thủ vệ sinh tay của nhân viên y tế theo 5 thời điểm	Kiểm soát nhiễm khuẩn	≥ 70%	81,6%	Đạt
14. Tỷ lệ lỗi kết nối HIS và PACS	Công nghệ thông tin	≤ 0,025%	0,0231%	Đạt
15. Thời gian khám bệnh trung bình của người bệnh	Khám bệnh	≤ 115 phút	113 phút	Đạt
16. Hiệu suất sử dụng phòng mổ	Gây mê phẫu thuật	≥ 64,6%	83,11%	Đạt
	Khoa Cấp cứu	≤ 2,7%	3,57%	Không đạt
	Khoa Nội	≤ 2,6%	0,42%	Đạt
	Khoa Ngoại	< 1,0%	0,19%	Đạt
	Khoa Sản	≤ 0,43%	0,37%	Đạt
17. Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh (tất cả các bệnh)	Khoa Nhi	≤ 2,5%	1,02%	Đạt
	Dịch vụ khách hàng	≥ 91%	100%	Đạt
	Dịch vụ khách hàng	≥ 91,5%	99,95%	Đạt

Chi số chất lượng	Khoa/Phòng	Chi tiêu năm 2023	Kết quả quý III/2023	So sánh chi tiêu
<b>B. Chi số chất lượng khoa/ phòng</b>				
1. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh khoa Mắt với dịch vụ khám chữa bệnh ngoại trú	Mắt	> 97%	98%	Đạt
2. Tỷ lệ HSBA khoa Mắt hoàn thiện các yêu cầu cơ bản theo quy chế HSBA	Mắt	> 88%	99,6%	Đạt
3. Tỷ lệ người bệnh đạt thị lực tốt sau phẫu thuật đục thủy tinh thể đơn thuần	Mắt	> 89%	90,6%	Đạt
4. Thời gian nằm viện trung bình trong phẫu thuật lấy thai	Phụ Sản	≤ 5 ngày	4,11 ngày	Đạt
5. Tỷ lệ truyền máu ở bệnh nhân chạy thận chu kỳ	Thận – Lọc máu	≤ 40%	10,3%	Đạt
6. Tỷ lệ ca phẫu thuật khoa Mắt sử dụng đúng hướng dẫn thực hiện bảng kiểm an toàn phẫu thuật khi tiến hành phẫu thuật	Mắt	100%	100%	Đạt
7. Tỷ lệ viêm mù nội nhãn sau phẫu thuật nội nhãn	Mắt	0%	0%	Đạt
8. Tỷ lệ nhiễm khuẩn dụng cụ sau khi hấp tiệt khuẩn tại khoa Răng Hàm Mặt	Răng Hàm Mặt	0%	0%	Đạt
9. Tỷ lệ viêm phổi liên quan đến máy thở	Hồi sức	≤ 30%	0%	Đạt
10. Tỷ lệ nhiễm khuẩn dụng cụ sau khi tiệt khuẩn tại khoa Tai Mũi Họng	Tai Mũi Họng	0%	0%	Đạt
11. Tăng tỷ lệ lượt khám sử dụng Bảo hiểm môi giới ngoại trú tại bệnh viện	Dịch vụ khách hàng	≥ 110%	117,04%	Đạt
12. Hoàn thiện nội dung trong bệnh án điện tử ngoại trú tại khoa Khám bệnh	Khám bệnh	≥ 50%	35,9%	Không đạt
13. Tỷ lệ thực hiện số ca chẩn đoán hình ảnh so với chỉ tiêu kế hoạch	Chẩn đoán hình ảnh	≥ 75%	76,7%	Đạt
14. Tỷ lệ số thủ thuật thực hiện tại khoa Nội Soi so với chỉ tiêu kế hoạch	Nội Soi	≥ 85%	91%	Đạt
15. Tỷ lệ cấy vi sinh bị ngoại nhiễm	Xét Nghiệm	≤ 3%	0%	Đạt
16. Số lượt thắc mắc của thân nhân/ bệnh nhân về thủ tục xuất viện	Nội Tổng hợp	≤ 5%	0%	Đạt

### Phản ứng có hại của thuốc (ADR)

- Ngày 14/11/2023 ghi nhận 1 trường hợp có phản ứng với thuốc Voltaren tại khoa Phụ sản.
  - Ngày 23/11/2023 ghi nhận 1 trường hợp có phản ứng với thuốc Omnipaque 300mg/100ml tại khoa Phụ sản.
  - Ngày 06/12/2023 ghi nhận 1 trường hợp có phản ứng với thuốc Nexium 40mg tại khoa Cấp cứu.
  - Ngày 08/12/2023 ghi nhận 1 trường hợp có phản ứng với thuốc Misoprostol 200mcg tại khoa Phụ sản.
- 100% trường hợp đã được phát hiện và xử trí kịp thời, không gây hậu quả nghiêm trọng.